

Số: ~~104~~/QĐ- THS1TT

Tuần Giáo, ngày 05 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2025
của Trường tiểu học số 1 thị trấn Tuần Giáo**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1 THỊ TRẤN TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 113/QĐ-PGD&ĐT ngày 01/05/2025 của Phòng giáo dục và đào tạo về việc bổ sung, điều chỉnh dự toán chi ngân sách SNGD cho các đơn vị trường thực hiện chi chế độ con người và các nhiệm vụ phát sinh năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của trường TH số 1 thị trấn Tuần Giáo (biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan từ ngày 05/05/2025 đến 04/06/2025 và công bố tại cuộc họp hội đồng nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường TH số 1 thị trấn Tuần Giáo và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Trường THS1 Thị trấn TG;
- Các bộ phận;
- Lưu VT.



Dặng Thị Khoa

Số: 43/QĐ-PGDĐT

Tuần Giáo, ngày 01 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung, điều chỉnh dự toán chi ngân sách SNGD cho các đơn vị trường để thực hiện chi chế độ cho con người và các nhiệm vụ phát sinh, năm 2025

TRƯỜNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của UBND huyện Tuần Giáo Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng GD&ĐT huyện Tuần Giáo;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Tuần Giáo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định 1918/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo về việc phê duyệt phương án phân bổ chi Sự nghiệp giáo dục năm 2025;

Căn cứ Quyết định 286/QĐ-PGDĐT ngày 31/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tuần Giáo Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách SNGD năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách SNGD cho các đơn vị trường để thực hiện chi chế độ cho con người và các nhiệm vụ phát sinh năm 2025: Mã nguồn 13: 8.053.270.000 (Tám tỷ, không trăm năm mươi ba triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, các trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí đúng theo quy định hiện hành, đảm bảo đúng đối tượng, chính sách quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Phòng Giáo dục và Đào tạo, hiệu trưởng các trường có tên trong phụ lục tại điều 1 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Kho bạc nhà nước huyện;
- LĐ, CC, VC phòng;
- Các trường có tên tại điều 1;
- Lưu VT, TV.

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Văn Sơn

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BIỂU BỔ SUNG ĐIỀU CHỈNH TIỀN THƯỞNG, CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 13/QĐ - PGDDT ngày 01/5/2025 của Phòng GD&ĐT Tuấn Giáo)

DVT: đồng

STT	Tên trường	Mã DVSDNS	Chi thường xuyên mã nguồn 13		Tổng cộng mã nguồn 13	Điều chỉnh giảm mã nguồn 13 của PGD
			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
	TỔNG SỐ		-6.976.906.000	15.030.176.000	8.053.270.000	8.053.270.000
I	Cấp Mầm non (071)		-1.918.017.000	4.460.873.000	2.542.856.000	
1	Trường MN Bình Minh	1097911	-57.567.000		-57.567.000	
2	Trường MN Tênh Phông	1099369		340.000.000	340.000.000	
3	Trường MN Khong Hìn	1099367		855.160.000	855.160.000	
4	Trường MN Nà Sáy	1097891	-665.000.000		-665.000.000	
5	Trường MN Rạng Đông	1097894		92.600.000	92.600.000	
6	Trường MN Ta Ma	1097921		909.400.000	909.400.000	
7	Trường MN Quải Cang	1097902	-324.000.000		-324.000.000	
8	Trường MN Sơn Ca	1099368		7.100.000	7.100.000	
9	Trường MN Hoa Ban	1097896	-201.610.000		-201.610.000	
10	Trường MN Mường Thín	1099374		96.200.000	96.200.000	
11	Trường MN Hòa Mi	1097898	-563.340.000		-563.340.000	
12	Trường MN Toả Tĩnh	1097890		356.000.000	356.000.000	
13	Trường MN Quải Nưa	1097892		483.853.000	483.853.000	
14	Trường MN Sao Mai	1110075		103.500.000	103.500.000	
15	Trường MN Pú Nhung	1097910		158.500.000	158.500.000	
16	Trường MN Pú Xi	1099373	-42.000.000		-42.000.000	
17	Trường MN Nậm Dín	1115475	-64.500.000		-64.500.000	
18	Trường MN Mường Mùn	1097905		281.060.000	281.060.000	
19	Trường MN Mùn Chung	1097895		104.900.000	104.900.000	
20	Trường MN Phình Sáng	1097893		672.600.000	672.600.000	
	Phòng Giáo dục	1034298				2.542.856.000
II	Cấp Tiểu học (072)		-3.115.531.000	4.127.963.000	1.012.432.000	
1	Trường TH Khong Hìn	1097931		769.241.000	769.241.000	
2	Trường TH Rạng Đông	1097926	-82.689.000		-82.689.000	
3	Trường TH Mường Mùn	1097924	-80.149.000		-80.149.000	
4	Trường TH Bình Minh	1097908		464.890.000	464.890.000	
5	Trường TH Số 1TT	1097937		280.459.000	280.459.000	
6	Trường TH số 1 Quải Nưa	1097904	-498.000.000		-498.000.000	
7	Trường TH Pú Nhung	1097907	-635.112.000		-635.112.000	
8	Trường TH Mùn Chung	1097930		220.695.000	220.695.000	
9	Trường TH Phình Sáng	1097915		470.445.000	470.445.000	
10	Trường TH Quải Tờ	1097888		635.877.000	635.877.000	
11	Trường TH Xuân Ban	1097933	-239.067.000		-239.067.000	
12	Trường TH Chiềng Sinh	1097935		217.778.000	217.778.000	
13	Trường PTDTBT TH Nà Tông	1099375		429.841.000	429.841.000	

STT	Tên trường	Mã DVSĐNS	Chi thường xuyên mã nguồn 13		Tổng cộng mã nguồn 13	Điều chỉnh giảm mã nguồn 13 của PGD
			Điều chỉnh giảm	Điều chỉnh tăng		
14	Trường TH Quài Càng	1097946	-825.000.000		-825.000.000	
15	Trường TH số 2 Quài Càng	1097932	-205.956.000		-205.956.000	
16	Trường TH Mường Thín	1099376	-78.968.000		-78.968.000	
17	Trường TH Nậm Dìn	1097922		618.840.000	618.840.000	
18	Trường PTDTBT Ta Ma	1097927	-470.590.000		-470.590.000	
19	Trường TH Nậm Múc	1099377		14.647.000	14.647.000	
20	Trường TH số 2 Quài Nưa	1097940		5.250.000	5.250.000	
	Phòng Giáo dục	1034298				1.012.432.000
III	Cấp THCS (073)		-1.943.358.000	6.441.340.000	4.497.982.000	
1	Trường THCS Quài Nưa	1097903		192.800.000	192.800.000	
2	Trường THCS Vừ A Dính	1097906		281.080.000	281.080.000	
3	Trường TH&THCS Nà Sáy	1097942	-166.355.000		-166.355.000	
4	Trường THCS Khong Hìn	1105602		192.600.000	192.600.000	
5	Trường THCS Chiềng Đông	1130891		159.100.000	159.100.000	
6	Trường THCS Quài Càng	1097909		285.180.000	285.180.000	
7	Trường THCS Rạng Đông	1097925	-367.200.000		-367.200.000	
8	Trường TH&THCS Toả Tinh	1097917		385.527.000	385.527.000	
9	Trường THCS Chiềng Sinh	1097936	-1.409.803.000		-1.409.803.000	
10	Trường PTDTBT THCS Mường Mùn	1097923		303.850.000	303.850.000	
11	Trường THCS Thị Trấn	1097939		165.000.000	165.000.000	
12	Trường PTDT bán trú THCS Mùn Chung	1097929		1.040.337.000	1.040.337.000	
13	Trường PTDTBT TH&THCS Tênh Phông	1097918		941.000.000	941.000.000	
14	Trường PTDTBT THCS Phình Sáng	1105599		358.157.000	358.157.000	
15	Trường THCS Mường Thín	1097914		162.000.000	162.000.000	
16	Trường PTDTBT TH&THCS Pá Xí	1097912		1.296.322.000	1.296.322.000	
17	Trường PTDTBT THCS Ta Ma	1097920		678.387.000	678.387.000	
	Phòng Giáo dục	1034298				4.497.982.000

Ghi chú: Biểu bổ sung chi thường xuyên mã nguồn 13 trên có các đơn vị chi trả nhiệm vụ năm 2024 còn thiếu: PTDTBT TH Nà Tông chi trả lớp xóa mù; TH Nậm Múc chi trả GV dạy lớp ghép, tiền sách; Trường PTDTBT THCS Mùn Chung chi trả tăng giờ GV dạy tiếng anh; TH Mùn Chung chi trả GV dạy tăng giờ tiếng anh.

Đơn vị: Trường TH số 1 Thị trấn Tuần Giáo

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẢ NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 106 / QĐ-HS, ngày 05/05.. / 2025 của Ủy ban TWISA TT Tuần Giáo

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
3	Thu SXKD, dịch vụ	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Chi SXKD, dịch vụ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	280.459.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	280.459.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	280.459.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	280.459.000
	7799: Giao dự toán bổ sung nguồn 13	280.459.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Tuần Giáo, ngày 05 tháng 05 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đặng Thị Hòa



Số: 124QĐ- THS1TT

Tuần Giáo, ngày 12 tháng 05 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán tiền thưởng năm 2025
của Trường tiểu học số 1 thị trấn Tuần Giáo**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC SỐ 1 THỊ TRẤN TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-PGD&ĐT ngày 05/05/2025 của Phòng giáo dục và đào tạo về việc bổ sung dự toán tiền thưởng năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai bổ sung số liệu dự toán ngân sách năm 2025 của trường TH số 1 thị trấn Tuần Giáo (biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan từ ngày 12/05/2025 đến 11/06/2025 và công bố tại cuộc họp hội đồng nhà trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường TH số 1 thị trấn Tuần Giáo và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Trường THS1 Thị trấn TG;
- Các bộ phận;
- Lưu VT.



Dặng Thị Hòa

Số: 118 /QĐ-PGDĐT

Tuần Giáo, ngày 08 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc bổ sung dự toán tiền thưởng cho các đơn vị trường năm 2025

TRƯỜNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 27/3/2025 của UBND huyện Tuần Giáo Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng GD&ĐT huyện Tuần Giáo;

Căn cứ Quyết định số 1801/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND huyện Tuần Giáo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2025;

Căn cứ Quyết định 1918/QĐ-UBND ngày 27/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo về việc phê duyệt phương án phân bổ chi Sự nghiệp giáo dục năm 2025;

Căn cứ Quyết định 286/QĐ-PGDĐT ngày 31/12/2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Tuần Giáo Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách SNGD năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách SNGD cho các đơn vị trường để thực hiện chi chế độ cho con người và các nhiệm vụ phát sinh, tiền thưởng năm 2025: Tiền thưởng mã nguồn 18: 14.821.467.000 (Mười bốn tỷ, tám trăm hai mươi một triệu, bốn trăm sáu mươi bảy nghìn đồng).

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, các trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí đúng theo quy định hiện hành, đảm bảo đúng đối tượng, chính sách quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Phòng Giáo dục và Đào tạo, hiệu trưởng các trường có tên trong phụ lục tại điều 1 và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH huyện;
- Kho bạc nhà nước huyện;
- LĐ, CC, VC phòng;
- Các trường có tên tại điều 1;
- Lưu VT, TV.

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Văn Sơn

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BIỂU BỔ SUNG ĐIỀU CHỈNH TIỀN THƯỞNG, CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2025

(Kèm theo Quyết định số 18 /QĐ - PGDĐT ngày 08/5/2025 của Phòng GD&ĐT Tuần Giáo)

ĐVT: đồng

STT	Mã ĐVSDNS	Tiền thưởng mã nguồn 18 tăng	Điều chỉnh giảm mã nguồn 13	Ghi chú
TỔNG SỐ		14.821.467.000	14.821.467.000	
I	Cấp Mầm non (071)	4.422.341.000	4.422.341.000	
1	Trường MN Bình Minh	1097911	239.645.000	
2	Trường MN Tênh Phông	1099369	121.934.000	
3	Trường MN Khong Hìn	1099367	167.806.000	
4	Trường MN Nà Sáy	1097891	153.900.000	
5	Trường MN thị trấn	1097887	295.334.000	
6	Trường MN Rạng Đông	1097894	149.992.000	
7	Trường MN Ta Ma	1097921	209.252.000	
8	Trường MN Quải Càng	1097902	331.074.000	
9	Trường MN Sơn Ca	1099368	114.993.000	
10	Trường MN Hoa Ban	1097896	243.756.000	
11	Trường MN Mường Thín	1099374	137.726.000	
12	Trường MN Họa Mi	1097898	185.844.000	
13	Trường MN Toá Tĩnh	1097890	160.482.000	
14	Trường MN Quải Nưa	1097892	202.557.000	
15	Trường MN Chiềng Sinh	1097897	207.073.000	
16	Trường MN 20/7	1099370	123.102.000	
17	Trường MN Sao Mai	1110075	159.696.000	
18	Trường MN Pù Nhung	1097910	202.198.000	
19	Trường MN Pù Xi	1099373	221.315.000	
20	Trường MN Nậm Dìn	1115475	186.249.000	
21	Trường MN Mường Mùn	1097905	207.522.000	
22	Trường MN Mùn Chung	1097895	190.921.000	
23	Trường MN An Bình	1099372	76.894.000	
24	Trường MN Phình Sáng	1097893	133.076.000	
	Phòng Giáo dục	1034298	4.422.341.000	
II	Cấp Tiểu học (072)	5.479.520.000	5.479.520.000	
1	Trường TH Khong Hìn	1097931	307.487.000	
2	Trường TH Rạng Đông	1097926	266.265.000	
3	Trường TH Mường Mùn	1097924	292.099.000	
4	Trường TH Bình Minh	1097908	337.813.000	
5	Trường TH Số 1 TT	1097937	376.272.000	
6	Trường TH số 1 Quải Nưa	1097904	264.940.000	
7	Trường TH Pù Nhung	1097907	263.255.000	
8	Trường TH Mùn Chung	1097930	291.829.000	
9	Trường TH Phình Sáng	1097915	209.252.000	

STT	Tên trường	Mã ĐVSDNS	Tiền thu ng mã nguồn 18 tăng	Điều chỉnh giảm mã nguồn 13	Ghi chú
					
10	Trường TH số 2 Thị trấn	1097938	159.134.000		
11	Trường TH Quải Tô	1097888	402.554.000		
12	Trường TH Xuân Ban	1097933	196.178.000		
13	Trường TH Chiềng Sinh	1097935	251.484.000		
14	Trường PTDTBT TH Nà Tông	1099375	232.142.000		
15	Trường TH Quải Cang	1097946	329.659.000		
16	Trường TH số 2 Quải Cang	1097932	245.082.000		
17	Trường TH Mường Thín	1099376	197.346.000		
18	Trường TH Nậm Dín	1097922	292.368.000		
19	Trường PTDTBT Ta Ma	1097927	310.542.000		
20	Trường TH Nậm Múc	1099377	115.172.000		
21	Trường TH số 2 Quải Nưa	1097940	138.647.000		
	Phòng Giáo dục	1034298		5.479.520.000	
			4.919.606.000	4.919.606.000	
III	Cấp THCS (073)				
1	Trường THCS Quải Nưa	1097903	279.676.000		
2	Trường THCS Vừ A Dính	1097906	174.118.000		
3	Trường TH&THCS Nà Sáy	1097942	391.165.000		
4	Trường THCS Khong Hìn	1105602	186.496.000		
5	Trường THCS Chiềng Đông	1130891	237.242.000		
6	Trường THCS Quải Cang	1097909	353.808.000		
7	Trường THCS Rạng Đông	1097925	241.420.000		
8	Trường TH&THCS Toá Tĩnh	1097917	375.103.000		
9	Trường THCS Chiềng Sinh	1097936	236.680.000		
10	Trường PTDTBT THCS Mường Mùn	1097923	235.332.000		
11	Trường THCS Thị Trấn	1097939	379.192.000		
12	Trường PIDT bán trú THCS Mùn Chung	1097929	330.939.000		
13	Trường PTDTBT TH&THCS Tênh Phông	1097918	332.444.000		
14	Trường PTDTBT THCS Phình Sàng	1105599	306.521.000		
15	Trường THCS Mường Thín	1097914	195.009.000		
16	Trường PTDTBT TH&THCS Pú Xi	1097912	443.214.000		
17	Trường PTDTBT THCS Ta Ma	1097920	221.247.000		
	Phòng Giáo dục	1034298		4.919.606.000	

Đơn vị: Trường TH số 1 Thị trấn Tuần Giáo

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẢ NĂM 2025

Kèm theo Quyết định số 112/QĐ-THST ngày 12/...5/2025 của Ban THST TT Tuần Giáo

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
2	Phí	
3	Thu SXKD, dịch vụ	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
3	Chi SXKD, dịch vụ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
2	Phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	376.272.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	376.272.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	376.272.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	376.272.000
	7799: Giao dự toán bổ sung tiền thưởng nguồn 18	376.272.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	



Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Tuần Giáo, ngày 12 tháng 5 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đặng Thị Hòa

Q. 1. DIỄN BIẾN